

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

| Nội dung đánh giá   |   | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|---------------------------------|
| <b>1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>  |   |                                 |
| Yêu cầu kỹ thuật cụ thể của hàng hóa được nêu trong E-HSMT (Theo quy định tại Chương V)                   | - Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại chương V.<br>- Phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, tình trạng và năm sản xuất của hàng hóa dự thầu.        | <b>Đạt</b>                      |
|   | - Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại chương V.<br>- Không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, tình trạng và năm sản xuất của hàng hóa dự thầu. | <b>Không đạt</b>                |
| <b>2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</b>                                |   |                                 |
| Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa. | Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.   | <b>Đạt</b>                      |
|   | Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.   | <b>Không đạt</b>                |
| <b>3. Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>   |   |                                 |
| Thời gian cung cấp hàng hóa đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.   | $\leq 30$ ngày  | <b>Đạt</b>                      |
|   | $> 30$ ngày   | <b>Không đạt</b>                |
| <b>4. Bảo hành</b>  |   |                                 |
| Thời gian Bảo hành 01 tháng được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu                        | Thời gian Bảo hành $\geq 01$ tháng được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu.  | <b>Đạt</b>                      |
|   | Thời gian Bảo hành $< 01$ tháng được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu  | <b>Không đạt</b>                |
| <b>5. Uy tín của nhà thầu</b>   |   |                                 |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
| <p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó (tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu).</p> <p>Nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu.</li> <li>- Không có tên trong danh sách các nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc không đang trong thời gian bị cấm đấu thầu.</li> <li>- Không sử dụng tài liệu hoặc kê khai thông tin không trung thực để tham gia đấu thầu dẫn đến: HSDT bị loại vì lý do này hoặc dẫn tới hủy thầu hoặc có các hình thức xử lý khác của chủ đầu tư, người có thẩm quyền.</li> <li>- Không vi phạm các quy định khác tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</li> </ul> | <b>Đạt</b>       |
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu hoặc</li> <li>Có tên trong danh sách các nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc không đang trong thời gian bị cấm đấu thầu hoặc</li> <li>- Đã từng sử dụng tài liệu hoặc kê khai thông tin không trung thực để tham gia đấu thầu dẫn đến: HSDT bị loại vì lý do này hoặc dẫn tới hủy thầu hoặc có các hình thức xử lý khác của chủ đầu tư, người có thẩm quyền.</li> <li>- Vi phạm các quy định khác tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</li> </ul>           | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Cả 5 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt  | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt  | <b>Không đạt</b> |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.